

CHỦ ĐỀ 18: NHỮNG ĐIỀU EM ĐÃ HỌC

BÀI 1: ÔN TẬP 1 (SHS, tr. 180 – 181)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Củng cố kỹ năng nói, nghe, đọc, viết các âm, vần đã học trong học kì I (tập trung nhóm vần *ai, ay, ây, ao, oi, ôi, ơi*).
2. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
3. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp

HS tham gia trò chơi hoặc một hoạt động giải trí (Ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động giải trí có nội dung liên quan đến bài học, có cài đặt từ ngữ có liên quan đến bài học. Trò chơi gợi ý: “Truyền tin”: cho HS “nối đuôi” nêu tên bộ phận cơ thể, đồ vật, tên con vật, cây cối có chứa vần *ai, ay, ây, ao, ôi, ơi*; lưu ý không trùng với nội dung ở bài ôn; VD: *tai, tay, lông mày, giày, chổi, con dơi, sóc bay, ...*).

2. Khởi động, viết ngắn điều vừa nói

- HS mở SHS, trang 180.
- HS nghe GV giới thiệu bài *Ôn tập 1*.
- HS quan sát tranh, trao đổi, tìm và sử dụng được từ ngữ gọi tên các con vật có trong bức tranh (Gợi ý: có thể tổ chức dưới dạng trò chơi học tập; tìm tên con vật và nói một câu hoặc hát một câu có tên con vật đó, VD: mèo – *Meo meo rửa mặt như mèo*; voi – *Chú voi con ở bản Đôn, ...*).
- HS nói câu có từ ngữ gọi tên con vật tìm được.
- HS nêu được tên con vật mình thích nhất và giải thích lí do.
- HS viết vào VBT tên của 2 – 3 con vật vừa tìm được (VD: *cừu, hươu cao cổ, voi, heo, mèo, cá sấu*).
- HS đánh giá bài mình, bài bạn (dựa vào hướng dẫn của GV).

3. Luyện tập đánh vần thông qua hoạt động đọc hiểu văn bản

- HS nghe GV đọc bài “*Ai gõ cửa?*”.
- HS tìm và đánh vần các tiếng có vần *ai, ay, ây, (ngày, chạy, lại, thấy)* (HS đánh vần thàn, từ có mấp máy môi đến không mấp máy môi).
- HS đọc thành tiếng văn bản.
- HS tìm hiểu về văn bản (GV có thể hỏi “*Hãy cho biết tên của bài em vừa đọc.*”, “*Tác giả của bài đó là ai?*”, “*Mỗi dòng thơ có mấy chữ?*”, “*Bài thơ có những nhân vật nào?*”, “*Nhân vật cún có đáng yêu không? Vì sao?*”).

❖ **Lưu ý:** GV cần kết hợp tổ chức hoạt động đọc lưu loát (đọc trơn/ đọc trôi chảy) với hoạt động tìm hiểu nội dung bài đọc.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ chứa vần vừa được ôn tập, nhắc lại mô hình vần được học.
- Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học (GV cũng có thể hướng dẫn HS cách tìm các vần được ôn tập ở bài học của các môn học khác, hướng dẫn HS đọc mở rộng qua việc giới thiệu một số sách, truyện phù hợp).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau.

BÀI 2: ÔN TẬP 2 (SHS, tr. 182 – 183)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Củng cố kĩ năng nói, nghe, đọc, viết các âm, vần đã học trong học kì I (tập trung nhóm vần *ât, ôt, ut, ep, ăp, uôc, uoc*).
2. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
3. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp

HS tham gia trò chơi hoặc một hoạt động giải trí (Ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động giải trí có nội dung liên quan đến bài học, có cài đặt từ ngữ có liên quan đến bài học. Trò chơi gợi ý: “Truyền tin”: cho HS “nói đuôi”).

2. Khởi động, viết ngắn điều vừa nói

- HS mở SHS, trang 182.
- HS nghe GV giới thiệu bài *Ôn tập 2*.
- HS quan sát tranh, trao đổi, tìm và sử dụng được từ ngữ gọi tên các đồ vật có trong bức tranh (Gợi ý: có thể tổ chức dưới dạng trò chơi học tập; tìm tên gọi của đồ vật và nói một câu hoặc hát một câu có tên đồ vật đó, VD: *bút chì – Bút chì của em xinh thật là xinh.; cặp sách – Chiếc cặp sách là người bạn thân thiết của em, ...*).
- HS nói câu có từ ngữ gọi tên của một đồ dùng học tập đã tìm được.
- HS nêu được công dụng của một đồ học tập.
- HS viết vào VBT tên của 2 – 3 đồ vật vừa tìm được (VD: *bút, thước, cặp*).
- HS đánh giá bài mình, bài bạn (dựa vào hướng dẫn của GV).

3. Luyện tập đánh vần thông qua hoạt động đọc hiểu văn bản

- HS nghe GV đọc bài “*Ai được tặng bút thân?*”.
- HS tìm và đánh vần các tiếng có vần *ât, ôt, ut, ep, ăp, uôc, uoc* (*bút, bút, đẹp, vật, thật, được, tốt, cuộc*) (HS đánh vần thầm, từ có mấp máy môi đến không mấp máy môi).
- HS đọc thành tiếng văn bản.
- HS tìm trong bài tiếng chứa vần *iên, uoc, iêc*.
- HS tìm hiểu về văn bản (GV có thể hỏi “Tên của câu chuyện là gì?”, “Câu chuyện có những nhân vật nào?”, “Chàng trai là người thế nào?”, “Chàng trai làm gì sau khi được bút tặng cây bút thân?”, “Em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?”).

❖ **Lưu ý:** Như bài *Ôn tập 1*.

4. Luyện tập chính tả

- HS nghe GV đọc khổ thơ (GV nhắc HS chú ý các từ dễ bị sai chính tả; khổ thơ gồm 4 dòng, chữ đầu của mỗi dòng thơ có thể viết in hoa, cách lùi đầu dòng khi bắt đầu viết, khoảng cách giữa các chữ trong một dòng.).
- HS nghe GV đọc và viết từng dòng thơ vào vở.
- HS nghe GV đọc lại khổ thơ, rà soát lỗi chính tả (nếu có).
- HS tự đánh giá bài viết (theo hướng dẫn của GV), chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

5. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ chứa vần vừa được ôn tập, nhắc lại mô hình vần được học.
- Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học (GV cũng có thể hướng dẫn HS cách tìm các vần được ôn tập ở bài học của các môn học khác, hướng dẫn HS đọc mở rộng qua việc giới thiệu một số sách, truyện phù hợp.).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau.